BÀI TẬP THỰC HÀNH SỐ 4

THỰC HÀNH TẠO DỮ LIỆU TEST - DUMP DATA

I. MỤC TIÊU

Kết thúc bài thực hành số 4, các nhóm phải hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Phân tích và thiết kế CSDL (viết báo cáo theo mẫu Lab 3 của CNPM)
- Phân tích và thiết kế Giao diện (viết báo cáo theo mẫu Lab 4 của CNPM), và design trực tiếp trên MVC
- Tạo dữ liệu test cho ứng dụng ở database (dump data)
- Tạo dữ liệu test cho ứng dụng ở javascript và trong source code

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Tạo dữ liệu test cho ứng dụng ở database

2.1.1. Mục đích tạo dữ liệu dump data

Trong quá trình xây dựng ứng dụng, chúng ta sẽ cần có tập dữ liệu sạch (số lượng tương đối lớn) để:

Database Test:

- Test các câu query database (trả lời kết quả có đúng không) so với filter dữ liệu trực tiếp trên file excel, trước khi tích hợp câu query vào code.
- Kiểm tra mức độ hợp lý trong thiết kế của các bảng (có dễ lấy dữ liệu không, thời gian lấy dữ liệu có nhanh không, ...)
- Functional Test: tối thiểu 1k bản ghi
 - Test các form nhập liệu (các thao tác insert, update, delete, search, view)
 - o Test các form báo cáo
 - Test các thao tác xử lý bên trong hệ thống (bao gồm cả trigger, procedure)
- Non-functional Test: bao gồm
 - Performance test: test hiệu suất của hệ thống
 - Stress test: test các giới hạn và mức độ ổn định của hệ thống
 - Load test: test khả năng chịu tải của hệ thống
- User Acceptance Test UAT: test nghiệm thu ứng dụng
- Tạo ứng dụng demo

2.1.2. Quy trình tạo dữ liệu dump data

Căn cứ vào:

- Biểu mẫu / giao diện (interface)
- Cấu trúc các table trong database (các trường dữ liệu, kiểu dữ liệu, khóa chính, khóa phụ, ràng buộc giữa các bảng)

Các bước thực hiện:

- 1. Sinh dữ liệu cho các bảng tham số, bảng category
- 2. Sinh dữ liệu cho các bảng không có FK
- 3. Sinh dữ liệu cho các bảng có FK

Lưu ý:

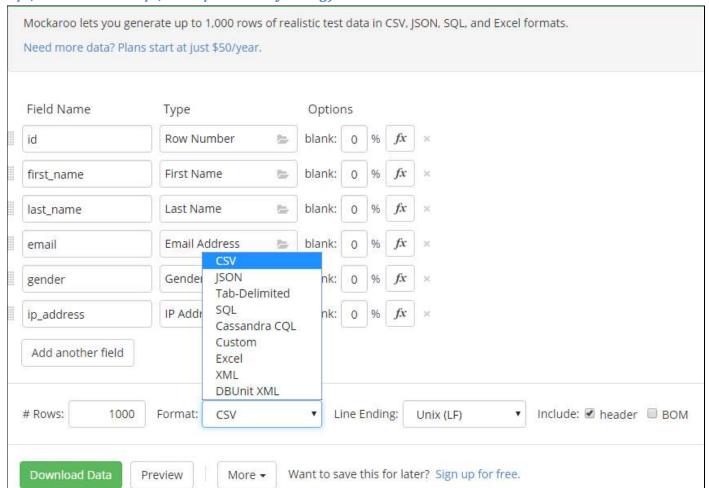
- Với các bảng không có FK: tạo dữ liệu theo cấu trúc của bảng → download file dữ liệu → import file dữ liệu vào database
- Với các bảng có FK: dùng tool tạo dữ liệu (trừ trường FK) → download file dữ liệu → chèn thêm cột FK với giá trị của FK tương ứng trong bảng có PK là FK của bảng → import file dữ liệu vào database

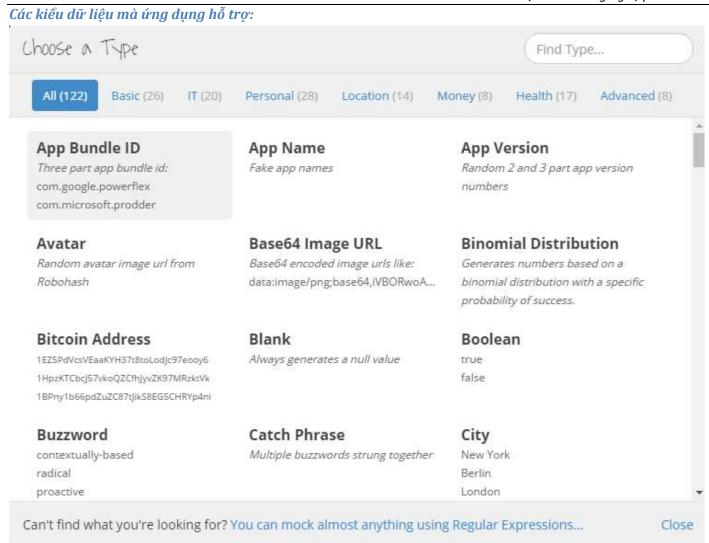
2.1.3. Công cụ sinh dữ liệu tự động

Có rất nhiều công cụ để sinh dữ liệu tự động: công cụ online, và công cụ cài đặt. Trong bài thực hành này, chúng ta sẽ sử dụng công cụ online mockaroo (https://www.mockaroo.com/) để tạo dummy data cho database.

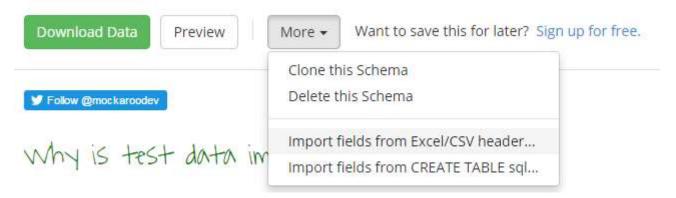
Công cụ này cho phép tạo miễn phí 1000 bản ghi dữ liệu ứng với mỗi bảng, và có thể lưu dữ liệu dưới nhiều định dạng (CSV, JSON, SQL, XML, và excel).

Thêm các field dữ liệu theo cấu trúc như đã định nghĩa trong TABLE cần sinh dữ liệu (cùng tên, kiểu dữ liệu, kích thước dữ liệu, có được NULL hay không)





Sau khi sinh dữ liệu, chúng ta có các lựa chọn sau:



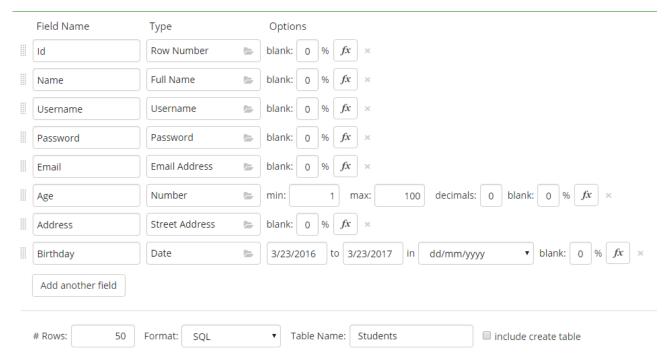
- **Preview**: xem file dữ liêu đã sinh ra trước khi chon các thao tác khác.
- **Download data**: lưu file dữ liệu dưới định dạng đã chọn (CVS, Excel, XML, SQL, JSON, ...)
- Save this for later: Lưu vào tài khoản để sử dụng lần sau (cần tạo tài khoản và đăng nhập trước đó)
- Clone this Schema: Nhân bản bảng dữ liệu với cấu trúc tương tự
- **Delete this Schema**: Xóa cấu trúc bảng dữ liệu đã tạo (trong trường hợp chọn kiểu file dữ liệu là SQL với tùy chọn **Include create table**).



- Import fields from Excel/CSV header: tạo nhanh các field dựa trên tên các cột dữ liệu trong file Excel/CSV
- Import fields from CREATE TABLE sql: tạo nhanh các field dựa trên tên các field trong câu lệnh CREATE TABLE

Download file dữ liệu, và thực hiện việc import dữ liệu theo các bước như đã nêu ở 2.1.2. Quy trình tạo dữ liêu dump data

Ví dụ: tạo 50 record cho bảng Students như sau:



Sau khi bấm **Generate Data**, các em sẽ được tải về 1 file sql như sau, và chỉ cần copy file này vào SQL Server, chạy là xong.

```
nts.sql - HOAN, SS,master (sa (51))
     Address, Birthdate)
 Lop.
                         values.
     Address. Birthdate.
                         values.
 Age.
     Address, Birthdate
 Age.
     Address, Birthdate
     Address
              Birthdate
                         values
     Address, Birthdate
Age.
                         ea lues
     Address:
              Birthdate
 Age.
                         Values.
     Address.
              Birthdate
 Age.
                         ara huma
     Address Birthdate
 Ago.
     Address;
Ago
              Birthdate
                         values
     Address.
                         values
 Age.
              Birthdate
                                 014:
     Address.
              Birthdate
 Age.
                         values
     Address . Birthdate
 Age.
                         values:
     Address, Birthdate
 A40 .
                         values.
     Address;
              Birthdate
 Ago.
     Address:
                         sklues
                                 16
 Age.
              Birthdate
     Address.
 Age.
              Birthdate
                         values
              Birthdate)
     Address.
 Age.
                         values
     Address, Birthdate
 Agp.
                         values
 Age
     Address.
              Birthdate.
                         values
     Address.
              Birthdate
     Address, Birthdate
     Address,
                         values.
 Age.
 Lap.
                         vallues:
                                123.
     Address, Birthdate
 App.
                         values.
     Address, Birthdate
 Age.
                         values.
     Address .
              Birthdate
 Azp.
     Address.
              Birthdate
                         values
     Address,
 Ago.
              Birthdate
                         values
     Address /
              Birthdate
                                129.
 Agp.
                         va.loec
     Address:
              Birthdate
                                 30
 Age.
                         Values
              Birthdate
 Age.
     Address.
                         values.
     Address, Birthdate
 Lay.
                         values
     Address
              Birthdate)
                                CRO.
     Address.
 Age.
              Birthdate
                         values:
     Address.
              Birthdate)
                                1357
 Age.
                         values
 Age.
     Address: Birthdate
                         values
 Age.
     Address.
              Birthdate
                         values
     Address,
              Birthdate)
                                138.
                         values
     Address:
              Birthdate)
                         values
                                39.
              Birthdate)
                                140%
 Age.
     Address.
                         values
              Birthdate salues
                                ML
```

2.2. Tao dữ liệu dump data trong source code

2.2.1. Tao dữ liêu dump data trong javascript

Khi sử dụng một số java script framework, chúng ta sẽ cần 1 số data giả dưới dạng java script object để hiển thị. Ta có thể sử dụng faker.js cho mục đích trên (tải faker.js tại đây (bấm DownloadZIP): https://github.com/marak/Faker.js/ Giải nén ra, trong thư mục build lấy file faker.js, sau đó thêm reference tới file đó như sau:

```
<html lang="en" xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">
      <head>
2
         <script src="faker.js" type="text/javascript"></script>
3
        <title>Test Random</title>
4
      </head>
5
       <body></body>
6
    </html>
```

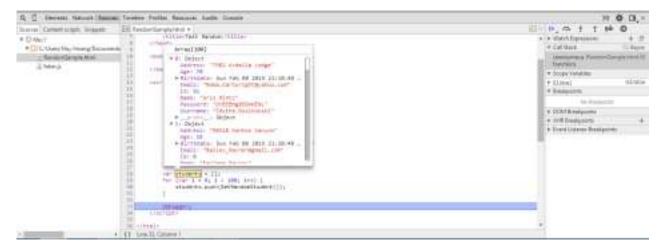
Việc sử dụng code khá đơn giản, các bạn chỉ cần sử dụng các function trong class faker. Tham khảo thêm API ở đây: http://marak.com/faker.js/

Dưới đây là code mẫu để tạo 100 object của class Student

```
function GetRandomStudent() {
```

```
return {
3
            Id : faker.random.number(100),
            Name : faker.name.findName(),
            Username : faker.internet.userName(),
            Password: faker.internet.password(),
6
            Email : faker.internet.email(),
8
            Age : faker.random.number(100),
            Address: faker.address.streetAddress(),
10
            Birthdate: faker.date.past()
11
        };
12
13
       var students = [];
14
      for (vari = 0; i < 100; i++) {
15
          students.push(GetRandomStudent());
16
```

Và đây là kết quả:



2.2.2. Tạo data giả ở server side (trong C#)

Trong một vài trường hợp khác, chúng ta sẽ cần tạo data giả ở server side. Trong ví dụ dưới đây, chúng ta sẽ demo với C#, sử dụng thư viện Faker.NET (các ngôn nhữ khác như Java, Ruby, ... có thể tìm thư viện tương ứng).

Các bạn sử dụng Nuget để cài đặt Faker.NET.

Mở Nuget Package Manager Console và gỗ vào "Install-Package Faker.Net" là xong.



Cách sử dụng cũng tương tự như phiên bản javascript, có điều thư viện này chưa hỗ trợ password và datetime.

```
public class Student
       {
           public int Id { get; set; }
3
           public string Name { get; set; }
           public string Address { get; set; }
           public string Username { get; set; }
6
           public int Age { get; set; }
           public string Email { get; set; }
8
           public static Student GetRandomStudent()
9
10
              var name = Faker.Name.FullName(NameFormats.Standard);
11
              return new Student
12
13
                  Id = Faker.RandomNumber.Next(100),
14
                  Name = name,
15
                  Username = Faker.Internet.UserName(name),
16
                  Email = Faker.Internet.Email(name),
17
                  Age = Faker.RandomNumber.Next(50),
18
                  Address = Faker.Address.StreetAddress(),
19
              };
20
            }
21
22
       //Tao 100 random student
23
     var students = new List<Student>();
24
     for (int i = 0; i < 100; i++) students.Add(Student.GetRandomStudent());</pre>
```

Và đây là kết quả

Thực hành công nghệ phần mềm

ocals		* 8 1
Name	Value	Type
args	(string[0])	string[]
	Count = 150	System.(
■ [0]	(TestSample.Student)	TestSam
Address	"0126 Matt Mount"	Q + string
₽ Age	13	int
₽ Email	"sunny johns@wunsch.us"	Q = string
Ji ld	74	int
₽ Name	"Sunny Johns"	Q + string
	"sunny johns"	Q v string
★ ● [4]	(TextSample Student)	TestSam
₽ Address	"8786 Herminio Dam"	Q, + string
₽ Age	36	int
€ Email	"marcelina.logick@wssock.biz"	Q + string
₽ ld	35	int
& Name	"Marcelina Krajcik"	Q + string
€ Usemame	"marcelina_krajcik"	Q + string
4 9 17	(TeitSample.Stodent)	TestSam
Address	*145 Clotiide Stream*	Q + string
₽ Age	12	int
€ Email	"wade_walsh@wolf.info"	Q = string
₽ ld	34	int
₽ Name	"Wade Walsh"	Q + string
	"wade.walsh"	Q = string
D . [3]	(TestSample.Student)	TestSam
p 🛥 [4]	(TestSample.Student)	TestSam
p • [5]	(TestSample:Student)	TestSam
b • [6]	(TestSample.Student)	TestSam
6 😝 [7]	(TestSample Student)	TestSam